

MY NEW SCHOOL

COMMUNICATION

- introduce	(v):giới thiệu
- pay attention to	(v):chú ý đến
- highlight	(n,v): chỗ nổi bật nhất,làm nổi bật
- someone	(pro):người nào đó
- suitable	(adj):phù hợp, thích hợp
- around	(prep):gần, vòng quanh
- remember -forget	(v):nhớ - quên
- share	(v):chia sẻ
- a classmate	(n):bạn cùng lớp
- quiz	(n):cuộc thi đố
- interview	(n)cuộc phỏng vấn-(v):p.vấn
- secret	(adj)bí mật,(n): điều bí mật
- newsletter	(n):bản tin được in ra định kì